

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng
khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20/3/1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 59/2007/NQ-CP ngày 30/11/2007 của Chính phủ về một số giải pháp xử lý những vướng mắc trong hoạt động đầu tư xây dựng và cải cách một số thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp;

Căn cứ Chỉ thị số 26/2008/CT-TTg ngày 01/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 124/2006/QĐ-TTg ngày 30/5/2006 về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng sắt đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 176/2006/QĐ-TTg ngày 01/8/2006 về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng chì, kẽm giai đoạn 2006 - 2015, có xét đến năm 2020; Quyết định số 104/2007/QĐ-TTg ngày 13/7/2007 về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng Titan giai đoạn 2007 - 2015, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 về việc Quy hoạch các khu công nghiệp Việt Nam đến 2015 định hướng đến 2020; Quyết định số 105/2008/QĐ-TTg ngày 21/7/2008 về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020; Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008 phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ các văn bản của các Bộ: Công văn số 1223/BCN-CLH ngày 08/3/2006 của Bộ Công nghiệp về việc quy hoạch khoáng sản tại Tuyên Quang; Công văn số 120/BXD-VLXD ngày 06/6/2007 của Bộ Xây dựng về việc Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng một số điểm khoáng sản làm vật liệu xây dựng của tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 33/2007/QĐ-BCN ngày 26/7/2007 của Bộ Công nghiệp phê duyệt Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng Crômít, Mangan giai đoạn 2007 - 2015, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 05/2008/QĐ-BCT ngày 04/3/2008 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng thiếc, vonfram và antimon giai đoạn 2007 - 2015, có xét đến năm 2025; Quyết định số 11/2008/QĐ-BCT ngày 05/6/2008 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng vàng, đồng, niken, molipđen Việt Nam đến năm 2015, có xét đến năm 2025; Quyết định số 25/2008/QĐ-BCT ngày 04/8/2008 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng đá quý, đất hiếm và urani giai đoạn đến năm 2015, có xét đến năm 2025; Quyết định số 41/2008/QĐ-BCT ngày 17/11/2008 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng nhóm khoáng chất công nghiệp (serpentin, barit, grafit, fluofit, bentonit, diatomit và talc) đến năm 2015, có xét đến năm 2025; Quyết định số 47/2008/QĐ-BCT ngày 17/12/2008 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng nhóm khoáng chất nguyên liệu đá vôi trắng (đá hoa), felspat, cao lanh và magnezit đến năm 2015, có xét đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 97/2006/NQ-HĐND ngày 08/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khoá XVI, kỳ họp thứ 7 về việc thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020; văn bản số 291/HĐND₁₆-KTNS ngày 10/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc cho ý kiến về Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 209/TTr-TNMT ngày 27/8/2008 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010 có xét đến năm 2020, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quan điểm của Quy hoạch

- Khoáng sản là nguồn tài nguyên có hạn, không thể tái tạo được, phải được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả.

- Quy hoạch khoáng sản tỉnh Tuyên Quang phải phù hợp và thống nhất với Quy hoạch chung của cả nước và các Quy hoạch khác của tỉnh. Quy hoạch khoáng sản phải kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với an ninh quốc phòng, bảo vệ an toàn môi trường sinh thái, bảo vệ cảnh quan và di tích lịch sử.

- Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế theo định hướng cơ cấu công nghiệp, dịch vụ, du lịch và nông lâm nghiệp mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XIV đã đề ra.

- Thăm dò, khai thác khoáng sản phải gắn với chế biến sâu nâng cao tối đa hệ số thu hồi khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, sử dụng hợp lý và có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội bền vững.

- Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch khoáng sản, các ngành chức năng có trách nhiệm thường xuyên cập nhật các thông tin về hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản để kịp thời báo cáo, đề xuất điều chỉnh quy hoạch khoáng sản phù hợp với các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh.

- Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản.

2. Nội dung Quy hoạch

2.1- Quy hoạch thăm dò khoáng sản

a) Mục tiêu của Quy hoạch:

- Xác định trữ lượng, chất lượng và các điều kiện khai thác mỏ.

- Làm cơ sở cho lập dự án đầu tư và thiết kế cơ sở của dự án.

b) Nguyên tắc lựa chọn các đối tượng thăm dò và sắp xếp thứ tự ưu tiên thăm dò:

- Các mỏ, điểm quặng và vùng khoáng sản có chất lượng tốt, có trữ lượng khá tập trung, điều kiện khai thác thuận lợi.

- Các mỏ, điểm quặng và vùng khoáng sản phân bố gần các mỏ lớn, các khu mỏ khoáng sản nằm trong khu vực đã được quy hoạch công nghiệp, đất đai, giao thông, du lịch và theo Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

c) Danh mục cụ thể các dự án thăm dò thể hiện tại Phụ lục I kèm theo.

2.2- Quy hoạch khai thác khoáng sản

Quy hoạch khai thác khoáng sản được tiến hành theo 2 mức:

a) Mức 1: Khai thác quy mô công nghiệp được chia thành 2 loại:

- Loại I: Các mỏ khai thác quy mô công nghiệp thuộc quy hoạch Trung ương.

- Loại II: Các mỏ khai thác quy mô công nghiệp thuộc quy hoạch địa phương.

Tập trung những mỏ đã được đánh giá trữ lượng và dự báo sau khi thăm dò có trữ lượng lớn, điều kiện khai thác, chế biến đầu tư có hiệu quả.

b) Mức 2: Khai thác quy mô nhỏ gồm các điểm mỏ khoáng sản có trữ lượng nhỏ, nằm rải rác không tập trung.

Danh mục Quy hoạch cụ thể cho từng loại khoáng sản thể hiện tại Phụ lục II kèm theo.

2.3- Quy hoạch chế biến, sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang

a) Nguyên tắc của Quy hoạch

- Quy hoạch chế biến sử dụng khoáng sản phải là quy hoạch động, phụ thuộc vào trữ lượng khoáng sản sau khi thăm dò và tùy thuộc vào vốn và khả năng đầu tư của các doanh nghiệp sẽ tham gia.

- Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến sâu với thiết bị công nghệ hiện đại, tận thu triệt để các khoáng sản đi kèm, tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên không gây ô nhiễm môi trường.

- Đáp ứng và đảm bảo yêu cầu thúc đẩy nhanh ngành công nghiệp chế biến khoáng sản phù hợp với các Quy hoạch của tỉnh.

- Các dự án chế biến khoáng sản nên tập trung vào các khu, cụm công nghiệp của tỉnh và của huyện.

b) Quy hoạch các cơ sở chế biến khoáng sản

Từ các cơ sở trên có thể dự kiến Quy hoạch chế biến các loại khoáng sản tỉnh Tuyên Quang tại Phụ lục III kèm theo.

2.4- Quy hoạch các khu vực cấm, tạm thời cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản

Theo Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2.5- Xác định nguồn vốn và phương thức huy động vốn

Vốn thăm dò khoáng sản: Thuộc nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản khi được phép triển khai các dự án.

3. Các giải pháp thực hiện Quy hoạch

3.1- Các giải pháp chủ yếu

3.1.1- Tăng cường quản lý nhà nước ở các cấp, các ngành trong hoạt động khoáng sản

a) Tuân thủ chặt chẽ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến tài nguyên và môi trường khi triển khai các hạng mục của Quy hoạch như:

- Luật Khoáng sản (ngày 20/3/1996), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản (ngày 14/6/2005); Nghị định số 160/2005/NĐ-CP (ngày 27/12/2005) của Chính phủ; Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND (ngày 17/4/2008) của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng và các luật, văn bản hướng dẫn thi hành luật có liên quan.

b) Triển khai thực hiện Quy hoạch khoáng sản phải gắn liền với các quy hoạch ngành, vùng khác của tỉnh (như quy hoạch công nghiệp, đất đai, giao thông, du lịch, an ninh quốc phòng, ...).

c) Tăng cường công tác quản lý ở các cấp, các ngành trong hoạt động khoáng sản:

- Thường xuyên tuyên truyền sâu rộng các văn bản pháp luật về Luật Khoáng sản, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng và các luật, văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra khoáng sản; ngăn chặn hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn. Xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Quản lý chặt chẽ các vùng cấm hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật.

- Đẩy nhanh các thủ tục cải cách hành chính trong lĩnh vực hoạt động khoáng sản.

- Triển khai nhanh các dự án đã có chủ trương thực hiện.

3.1.2- Giải pháp về kỹ thuật

a) Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ:

- Xây dựng các quy chế, tiêu chuẩn kỹ thuật trong khai thác, chế biến, khoáng sản, an toàn lao động thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch và tiến độ thực hiện việc thăm dò tài nguyên theo quy hoạch đối với từng nhóm, từng loại hình khoáng sản.

b) Các nhà đầu tư phải chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng đảm bảo kỹ thuật an toàn tuyệt đối không để xảy ra các sự cố ảnh hưởng đến tính mạng người lao động, tài sản của đơn vị trong hoạt động khai thác khoáng sản. Đầu tư dây chuyền công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại trong khai thác và chế biến khoáng sản nhằm tiết kiệm tài nguyên và thu hồi tối đa nguyên liệu khoáng, đảm bảo môi trường và phát triển bền vững.

3.1.3- Về môi trường

Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trong hoạt động khoáng sản.

3.1.4- Giải pháp về vốn

Các tổ chức, cá nhân đầu tư nguồn lực vào công tác thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Ưu tiên các tổ chức, cá nhân có tiềm lực về tài chính, kỹ thuật, công nghệ vào xây dựng nhà máy chế biến, tuyển luyện khoáng sản.

3.1.5- Công khai quy hoạch khoáng sản

Các cấp, các ngành rà soát các quy hoạch theo lĩnh vực của ngành để bổ sung điều chỉnh kịp thời và triển khai thực hiện phù hợp với quy hoạch khoáng sản được duyệt đảm bảo tiến độ và hiệu quả của Quy hoạch. Các vùng cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cần được bảo vệ chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp triển khai nhiệm vụ Quy hoạch khoáng sản của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo đầy nhanh và hiệu quả ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản của tỉnh theo đúng các quy định của Nhà nước.

2. Các ngành chức năng tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản; kiểm tra, thanh tra các cơ sở hoạt động khoáng sản; thực hiện việc kiểm kê tất cả các mỏ khoáng sản đã được cấp phép khai thác; chấn chỉnh trật tự khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản, giải toả, ngăn chặn, xử lý nghiêm các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã; tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Lê Thị Quang

**PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THĂM DÒ, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ SỬ DỤNG
KHOÁNG SẢN TỈNH TUYÊN QUANG ĐẾN NĂM 2010, CÓ XÉT ĐẾN NĂM 2020**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2008/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**Phụ lục I
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG ĐẾN NĂM 2010, CÓ XÉT ĐẾN NĂM 2020**

Số TT	Tên dự án	Vị trí địa lý	Loại khoáng sản	Thời gian
A	Các Dự án thăm dò thuộc quy hoạch Trung ương: (Để theo dõi, quản lý theo quy định của Luật Khoáng sản)			
I	Chì-Kẽm (Pb-Zn): Theo Quyết định số 176/2006/QĐ-TTg ngày 01/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2006 - 2015, có xét đến 2020			
1	Thăm dò chì kẽm Thành Cóc: Khuôn Dốc, Đồng Liên, Làng Toòng, Làng Trọt, Khau Dạ (Khuổi Bốc)	Xã Trung Minh, xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	Pb, Zn	2007-2010
2	Thăm dò chì kẽm Núi Dùm - Nông Tiến (Núi Dùm, Tràng Đà, Dốc Chò, Sơn Đô, Xóm Húc)	Xã Tràng Đà, xã Nông Tiến, thị xã Tuyên Quang; xã Phú Thịnh, xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	Pb, Zn, Ba	2008-2010 <i>Chì kẽm Tràng Đà thuộc khu vực cấm và chì kẽm Núi Dùm thuộc khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản</i>
3	Thăm dò vùng quặng Thượng Âm (Khuôn Lăn, Ý Nhân, Xóm Phai)	Xã Thượng Âm, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương	Pb, Zn	2007-2010
4	Thăm dò vùng quặng Ba Xứ (Đỉnh Mười, Lũng Mơ, Làng Cháy - Làng Nghệt)	Xã Kiến Thiết, xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	Pb, Zn	2008-2015

Số TT	Tên dự án	Vị trí địa lý	Loại khoáng sản	Thời gian
5	Thăm dò vùng quặng Na Hang (Khou Tinh, Pù Bao, Pù Bó, Sum Kim, Lũng Luông)	Xã Khou Tinh, xã Năng Khả, huyện Na Hang	Pb, Zn, Sb	2008-2020 <i>Chì, kẽm Khou Tinh, Pù Bao, Sum Kim thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản</i>
II	Thiếc-vonfram (Sn-W): Theo Quyết định số 05/2008/QĐ-BCT ngày 04/3/2008 của Bộ Công Thương giai đoạn 2007 - 2015, có xét đến 2025			
2.1	<i>Quặng Thiếc:</i>			
1	Thăm dò thiếc gốc Ngòi Lẹm	Xã Hợp Hoà, huyện Sơn Dương	Sn	2007-2020
2	Thăm dò thiếc gốc Thanh Sơn			
3	Thăm dò thiếc gốc Khuôn Phầy	Xã Kháng Nhật, huyện Sơn Dương	Sn	2007-2020 <i>Hạn chế hoạt động khoáng sản</i>
2.2	<i>Quặng Vonfram:</i>			
1	Thăm dò quặng Vonfram gốc khu Thiện Kế và khu Hội Kế	Xã Thiện Kế và xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương	W	2007-2020
III	Antimon (Sb), Vàng (Au): Theo Quyết định số 05/2008/QĐ-BCT ngày 04/3/2008 của Bộ Công Thương giai đoạn 2007 - 2015, có xét đến 2025; Quyết định số 11/2008/QĐ-BCT ngày 05/6/2008 của Bộ Công Thương đến năm 2015, có xét đến năm 2025			
1	Thăm dò quặng antimon-vàng mỏ Làng Vài	Xã Ngọc Hội và xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa	Sb, Au	2007-2025
IV	Mangan (Mn): Theo Quyết định số 33/2007/QĐ-BCT ngày 26/7/2007 của Bộ Công Thương giai đoạn 2007 - 2015, định hướng đến 2025			
1	Thăm dò bổ sung vùng mỏ mangan Thượng Giáp	Xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa	Mn	2007-2015

Số TT	Tên dự án	Vị trí địa lý	Loại khoáng sản	Thời gian
2	Thăm dò bổ sung vùng mỏ mangan Phiên Lang	Xã Minh Quang, huyện Chiêm Hoá	Mn	2007-2015
V	Đá vôi, sét làm xi măng: Theo Quyết định số 105/2008/QĐ-TTg ngày 21/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020			
4.1	Thăm dò đá vôi và đất sét xi măng			
a	<i>Đá vôi xi măng</i>			
1	Thăm dò bổ sung mỏ đá vôi xi măng Yên Lĩnh (Tràng Đà)	Xã Tràng Đà, thị xã Tuyên Quang	XM	2008-2020 <i>Hạn chế hoạt động khoáng sản</i>
2	Đá vôi Phúc Ứng	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	ĐVXM	2007-2010
b	<i>Đất sét xi măng</i>			
1	Thăm dò bổ sung mỏ sét Tràng Đà	Xã Tràng Đà, thị xã Tuyên Quang	Sét XM	2008-2020
2	Sét Bắc Lũng	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	Sét XM	2007-2010
4.2	Các mỏ đá vôi và đất sét dự trữ cho công nghiệp xi măng			
a	<i>Đá vôi xi măng</i>			
1	Đá vôi xi măng Tràng Đà (phần diện tích còn lại của khu mỏ)	Xã Tràng Đà, thị xã Tuyên Quang	XM	Khu vực dự trữ
2	Đá vôi Phúc Ứng (phần diện tích còn lại của khu mỏ)	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	ĐVXM	Khu vực dự trữ
3	Đá vôi Bình Ca	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	ĐVXM	Khu vực dự trữ

Số TT	Tên dự án	Vị trí địa lý	Loại khoáng sản	Thời gian
4	Đá vôi Đa Năng	Xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương	ĐVXM	Khu vực dự trữ
5	Đá vôi Ý Nhân	Xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương	ĐVXM	Khu vực dự trữ
6	Đá vôi Thượng Âm	Xã Thượng Âm, huyện Sơn Dương	ĐVXM	Khu vực dự trữ
7	Đá vôi Cambon	Xã Đà Vị, huyện Na Hang	ĐVXM	Khu vực dự trữ
8	Đá vôi Bắc Làng Mai	Xã Thượng Lâm, huyện Na Hang	ĐVXM	Khu vực dự trữ
9	Đá vôi Bắc Bàn	Xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	ĐVXM	Khu vực dự trữ
10	Đá vôi Làng Cháy	Xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	ĐVXM	<i>Khu vực cấm hoạt động khoáng sản</i>
11	Đá vôi Núi Uông Võ	Xã Tân Long, huyện Yên Sơn	ĐVXM	Khu vực dự trữ
12	Đá vôi Thắng Quân	Xã Tân Long, huyện Yên Sơn	ĐVXM	Khu vực dự trữ
13	Đá vôi Quan Tinh	Xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên	ĐVXM	Khu vực dự trữ
14	Đá vôi Vĩnh Tuy	Xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	ĐVXM	Khu vực dự trữ
15	Đá vôi Khau He	Xã Yên Phú, huyện Hàm Yên	ĐVXM	Khu vực dự trữ
16	Đá vôi Đội Bình	Xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	ĐVXM	Khu vực dự trữ
<i>b</i>	<i>Đất sét xi măng</i>			
1	Mỏ sét Tràng Đà (phần diện tích còn lại của khu mỏ)	Xã Tràng Đà, thị xã Tuyên Quang	Sét XM	Khu vực dự trữ

Số TT	Tên dự án	Vị trí địa lý	Loại khoáng sản	Thời gian
VI	Đá vôi trắng: Theo Quyết định số 47/2008/QĐ-BCT ngày 17/12/2008 của Bộ Công Thương đến năm 2015, có xét đến năm 2025			
1	Thăm dò mỏ đá vôi trắng km 54-57 (núi Đá Đen)	Xã Yên Phú, huyện Hàm Yên	ĐVT	2008-2015
VII	Barite (BaSO₄): Theo Quyết định số 41/2008/QĐ-BCT ngày 17/11/2008 của Bộ Công Thương đến năm 2015, có xét đến năm 2025			
1	Thăm dò vùng quặng Năng Khào - Hà Vị	Xã Năng Khả và thị trấn Na Hang, huyện Na Hang	Barite	Đến năm 2015
2	Thăm dò vùng quặng xóm Hoắc, Nước Luân, Khuôn Bén	Xã Thái Bình, xã Công Đa, xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn		
3	Thăm dò vùng quặng Ngãi Thắng, Đồng Bèn, Húc, Việt Thắng	Xã Thượng Âm, xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương; xã Thái Bình, huyện Yên Sơn		
VIII	Caolanh-felspat: Theo Quyết định số 47/2008/QĐ-BCT ngày 17/12/2008 của Bộ Công Thương đến năm 2015, có xét đến năm 2025			
1	Caolanh-felspat Thái Sơn	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	Caolanh-felspat	2008-2015 <i>Hạn chế hoạt động khoáng sản</i>
2	Caolanh-felspat Tân Bình	Xã Đại Phú, huyện Sơn Dương	Caolanh-felspat	2008-2015
3	Caolanh-felspat Đồn Hang (Vân Sơn)	Xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	Caolanh-felspat	2008-2015
4	Caolanh-felspat Bình Man	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	Caolanh-felspat	2008-2015 <i>Hạn chế hoạt động khoáng sản</i>
5	Caolanh-felspat Đồng Bén	Xã Thành Long, huyện Hàm Yên	Caolanh-felspat	2008-2010
6	Caolanh-felspat Đồng Gianh	Xã Bình Yên và xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương	Caolanh-felspat	2008-2015

Số TT	Tên dự án	Vị trí địa lý	Loại khoáng sản	Thời gian
7	Caolin-felspat 02 khu quặng Thăng Lợi và Phú Đa	Xã Hào Phú, huyện Sơn Dương	Kaolin-Fenspat	2008-2015
8	01 đề án (01 mỏ)	Vùng quặng Vân Sơn, Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương	Caolanh-felspat	2008-2015
B	Các dự án thăm dò thuộc Quy hoạch địa phương			
I	Quặng sắt (Fe)			
1	Quặng sắt Cây Vầu (thăm dò bổ sung trong quá trình khai thác)	Xã Thành Long, huyện Hàm Yên	Fe	2006-2010
2	Quặng sắt Cây Nhân (thăm dò bổ sung trong quá trình khai thác)	Xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn; xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên	Fe	2006-2010
3	Quặng sắt Liên Thắng	Xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương	Fe	2006-2010
4	Quặng sắt Thầu Cây (thăm dò bổ sung trong quá trình khai thác)	Xã Tân Thành, huyện Hàm Yên	Fe	2006-2010
5	Các điểm còn lại: Chỉ cần khảo sát đánh giá phục vụ cho thiết kế khai thác quy mô nhỏ	Thuộc các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên và Chiêm Hóa	Fe	2006-2010
II	Mangan (Mn): Cần thăm dò bổ sung trong quá trình khai thác			
1	Điểm Mangan Pù Chạng	Xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa	Mn	2006-2010
2	Điểm Mangan Hua Rom	Xã Minh Quang, huyện Chiêm Hóa	Mn	2006-2010
3	Điểm Mangan Nà Lum (Khúc Phụ)	Xã Minh Quang, huyện Chiêm Hóa	Mn	2006-2010

Số TT	Tên dự án	Vị trí địa lý	Loại khoáng sản	Thời gian
III	Thiếc (Sn)			
1	Thiếc gốc và sa khoáng Phú Lâm	Xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn	Sn	2006-2010
2	Thăm dò thiếc gốc Kỳ Lâm (Bắc Núi Sỏi)	Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Sn	2008-2015
3	Thăm dò thiếc gốc An Định	Xã Kỳ Lâm, huyện Sơn Dương	Sn	2006-2015
4	Thăm dò thiếc gốc Suối Gọn, Đồng Đài, Đá Dựng	Xã Hợp Thành, xã Kháng Nhật, huyện Sơn Dương	Sn	<i>Thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản</i>
IV	Chì-kẽm (Pb-Zn)			
1	Chì kẽm-barit Làng Thuộc	Xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	Pb, Zn, Ba	2007-2015
2	Chì kẽm Mỏ Nghiều	Xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	Pb, Zn	2007-2015
3	Chì kẽm Bắc Nhụng	Xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa	Pb, Zn	2007-2015
4	Chì kẽm Phúc Ninh	Xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	Pb, Zn	2007-2010
5	Chì kẽm Bản Giáng	Xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn	Pb, Zn	2007-2010
6	Các điểm biểu hiện chì, kẽm khác cần được điều tra, đánh giá tiềm năng làm cơ sở cho thiết kế khai thác mỏ	Thuộc huyện Sơn Dương	Pb, Zn	2008-2010
V	Angtimon (Sb), vàng (Au)			
1	Angtimon Lãng Can (thăm dò bổ sung trong quá trình khai thác)	Xã Lãng Can, huyện Na Hang	Sb	2006-2010

Số TT	Tên dự án	Vị trí địa lý	Loại khoáng sản	Thời gian
2	Angtimon Nà Mố, Làng Ải	Xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hóa	Sb	2007-2010
3	Angtimon Hòa Phú	Xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa	Sb	2007-2010
4	Angtimon Cốc Táy	Xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa	Sb	2007-2010
5	Angtimon-vàng Khuôn Phục (Khuôn Phục): Thăm dò bổ sung trong quá trình khai thác	Xã Ngọc Hội, xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa	Sb-Au	2008-2015 <i>Khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản</i>
6	Vàng sa khoáng khu Đầm Hồng	Xã Ngọc Hội, xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa	Au	2008-2015
7	Vàng sa khoáng Tây Na Hiên	Xã Thổ Bình, huyện Chiêm Hóa	Au	2008-2015
8	Vàng sa khoáng Bình An	Xã Bình An, huyện Chiêm Hóa	Au	2008-2015
9	Vàng gốc Làng Yên	Xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	Au	2008-2020
10	Vàng, asen Làng Đầu	Xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn	Au	2008-2020
11	Vàng, asen Làng Rịa	Xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn	Au	2008-2020
12	Vàng, asen Năm Đát	Xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn	Au	2008-2020
13	Vàng, asen Khau Lâu	Xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	Au	2008-2020
14	Vàng, asen Chiêu Yên	Xã Chiêu Yên, huyện Yên Sơn	Au	2008-2020
15	Các điểm biểu hiện antimon, vàng khác cần được điều tra, khảo sát, thăm dò làm cơ sở cho việc cấp phép khai thác	Thuộc các huyện: Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hóa và Na Hang	Sb, Au	2008-2020
VI	Titan (Ti)			

Số TT	Tên dự án	Vị trí địa lý	Loại khoáng sản	Thời gian
1	Titan Đồng Gianh	Xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương	Ti	2008-2020
2	Titan Quảng Đàm	Xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương	Ti	2008-2020
VII	Đồng (Cu)			
1	Đồng Bản Dàn	Xã Yên Lập, huyện Chiêm Hoá	Cu	2008-2020
2	Đồng Pù Toòng	Xã Yên Lập, huyện Chiêm Hoá	Cu	2008-2020
3	Hai điểm biểu hiện Đồng: Khuôn Tú, xã Tiến Bộ và Đội Cấn, xã Đội Cấn cần khảo sát đánh giá làm cơ sở cho thiết kế khai thác nhỏ	Huyện Yên Sơn	Cu	2008-2020
VIII	Thủy ngân (Hg)			
1	Thủy ngân Ba Hòn	Xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương	Hg	2008-2020
IX	Barite (Ba)			
1	Các điểm mỏ Barite (đã được cấp phép khai thác) cần được thăm dò bổ sung đánh giá lại trữ lượng và các điểm biểu hiện quặng Barite cần phải điều tra đánh giá thăm dò làm cơ sở cho thiết kế khai thác	Thuộc các huyện: Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, Na Hang và thị xã Tuyên Quang	Ba	2008-2010
X	Pyrit			
1	Pyrit Bản Mản	Xã Bình Phú, huyện Chiêm Hoá	Pyrit	2008-2010
2	Pyrit Khau Tinh Luông	Xã Khau Tinh, huyện Na Hang	Pyrit	2008-2010
3	Pyrit Làng Chanh	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	Pyrit	2008-2010

Số TT	Tên dự án	Vị trí địa lý	Loại khoáng sản	Thời gian
4	Pyrit Xóm Hoắc		Pyrit	2008-2010
5	Pyrit Công Đa	Xã Công Đa, huyện Yên Sơn	Pyrit	2008-2010
6	Các điểm biểu hiện Pyrit khác cần được điều tra, thăm dò làm cơ sở cho việc cấp phép khai thác	Thuộc các huyện: Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hoá, Sơn Dương và thị xã Tuyên Quang	Pyrit	2008-2020
XI	Photphorit			
1	Photphorit Khau He	Xã Yên Phú, huyện Hàm Yên	Phot phorit	2008-2020
XII	Sét, Caolanh			
1	Caolanh Lang Quán	Xã Lang Quán, huyện Sơn Dương	Caolanh	2006-2015
2	Sét-Caolanh Lương Vượng	Xã Lương Vượng, huyện Yên Sơn	Sét-Caolanh	2008-2015
3	Sét-Caolanh Hoàng Khai	Xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn	Sét-Caolanh	2008-2015
XIII	Đolomit			
1	Đolomit Bản Lãm	Xã Khau Tinh, huyện Na Hang	Đolomit	2008-2020
2	Đolomit Làng Dem	Xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên	Đolomit	2008-2020
3	Đolomit Thác Cái	Xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	Đolomit	2008-2020
XIV	Graphit			

Số TT	Tên dự án	Vị trí địa lý	Loại khoáng sản	Thời gian
1	Graphit Khuôn Chan	Xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương	Graphit	2008-2020
2	Graphit Bình Tích	Xã Hợp Hoà, huyện Sơn Dương	Graphit	2008-2020
XV	Quaczit			
1	Quaczit Đài Thị	Xã Yên Lập, huyện Chiêm Hoá	Quarzit	2008-2020
2	Quaczit Đá Đen	Xã Hùng Mỹ, huyện Chiêm Hoá	Quarzit	2008-2020
3	Quaczit Hiệp Môn	Xã Hoà Phú, huyện Chiêm Hoá	Quarzit	2008-2020
4	Quaczit Làng Nioung	Xã Hùng Mỹ, huyện Chiêm Hoá	Quarzit	2008-2020 <i>Hạn chế hoạt động khoáng sản</i>
5	Quaczit Phú Lâm	Xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn	Quarzit	2008-2020
XVI	Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường			
1	Đá vôi Thượng Âm	Xã Thượng Âm, huyện Sơn Dương	Đá vôi XD	2006-2020
2	Đá vôi thôn Tràng Dương	Xã Thái Hoà, huyện Hàm Yên	Đá vôi XD	2006-2020
3	Đá vôi Minh Khương	Xã Minh Dân, huyện Hàm Yên	Đá vôi XD	2006-2020
4	Đá vôi Pou Man	Xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên	Đá vôi XD	2006-2020
5	Đá vôi Yên Cốc	Xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hoá	Đá vôi XD	2006-2020

Số TT	Tên dự án	Vị trí địa lý	Loại khoáng sản	Thời gian
6	Đá vôi Bạch Mã, Khau He	Xã Yên Phú, huyện Hàm Yên	Đá vôi	2006-2020
7	Đá ốp lát Minh Khương	Xã Minh Khương, huyện Hàm Yên	Đá ốp lát	2006-2020
8	Đá ốp lát Đồng Gianh	Xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương	Đá ốp lát	2006-2020 <i>Khu vực cấm hoạt động khoáng sản</i>
9	Đá ốp lát Làng Nha	Xã Kim Quan, huyện Yên Sơn	Đá ốp lát	2006-2020 <i>Khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản</i>
10	Đá hoa ốp lát Làng Cóc	Xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	Đá ốp lát	2006-2020
11	Các điểm mỏ đá vôi đang được khai thác và thăm dò bổ sung đánh giá trữ lượng	Thuộc địa bàn các huyện: Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hoá, Na Hang và thị xã Tuyên Quang	Đá vôi xây dựng	2006-2020
XVII	Sét gạch ngói			
1	Sét gạch ngói khu vực cầu An Hòa	Xã Đội Cấn, xã Thái Long, huyện Yên Sơn	Sét gạch ngói	2007-2015
2	Sét gạch ngói Làng Khang	Xã Minh Dân, huyện Hàm Yên	Sét gạch ngói	2007-2020
3	Sét gạch ngói Hoà Phú	Xã Hoà Phú, huyện Chiêm Hoá	Sét gạch ngói	2007-2020
4	Sét gạch ngói Cầu Trầm	Xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương	Sét gạch ngói	2007-2020
5	Các điểm Sét gạch ngói khác cần khảo sát, thăm dò để lập dự án khai thác	Thuộc các huyện: Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hoá, Na Hang và thị xã Tuyên Quang	Sét gạch ngói	2007-2020

Số TT	Tên dự án	Vị trí địa lý	Loại khoáng sản	Thời gian
XVIII	Cát, sỏi, cuội			
1	Cát, sỏi lòng sông Lô khu vực nam Sơn Dương	Thuộc các xã: Vân Sơn, Hồng Lạc, Sầm Dương và Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương	Cát, sỏi	2006
2	Cát, sỏi, cuội lòng sông Lô thuộc khu vực An Tường, Thái Bình, An Khang, Thái Long, Đội Cấn, Đội Bình, Vĩnh Yên Sơn và các xã: Vĩnh Lợi, Cáp Tiên, Quyết Thắng, Đông Thọ	Thuộc các xã: An Tường, Thái Bình, An Khang, Thái Long, Đội Cấn, Đội Bình, huyện Yên Sơn và các xã: Vĩnh Lợi, Cáp Tiên, Quyết Thắng, Đông Thọ, huyện Sơn Dương	Cát, sỏi, cuội	2007-2008
3	Cát, sỏi, cuội lòng sông Lô khu vực thị xã Tuyên Quang	Thuộc các xã: Hưng Thành, Nông Tiến, Tràng Đà, Ý La; Phường Tân Quang, Minh Xuân, thị xã Tuyên Quang	Cát, sỏi, cuội	2007-2009
4	Cát, sỏi, cuội lòng sông Lô thuộc khu vực Tân Long, Thắng Quân	Thuộc các xã: Tân Long, Thắng Quân, huyện Yên Sơn	Cát, sỏi, cuội	2007-2008
5	Cát, sỏi, cuội lòng sông Gâm thuộc khu vực Xuân Vân, Quý Quân, Lục Hành, Kiến Thiết, Chiêu Yên	Thuộc các xã: Xuân Vân, Quý Quân, Lục Hành, Kiến Thiết, Chiêu Yên, huyện Yên Sơn	Cát, sỏi, cuội	2007-2008
6	Cát, sỏi, cuội lòng sông Lô thuộc địa bàn huyện Hàm Yên	Thuộc các xã: Thái Sơn, Bình Xa, Tân Thành, thị trấn Tân Yên, Phù Lưu, Minh Dân, Yên Phú, Yên Lâm, huyện Hàm Yên	Cát, sỏi, cuội	2007-2008

Số TT	Tên dự án	Vị trí địa lý	Loại khoáng sản	Thời gian
7	Cát, sỏi lòng sông Gâm thuộc huyện Na Hang	Thuộc khu vực thị trấn Na Hang và xã Thanh Tương, huyện Na Hang	Cát, sỏi, cuội	2007-2008
8	Cát, sỏi lòng sông Gâm thuộc huyện Chiêm Hoá	Thuộc các xã: Ngọc Hội, Xuân Quang, Yên Lập, Hùng Mỹ, Vinh Quang, Trung Hoà, huyện Chiêm Hoá	Cát, sỏi, cuội	2007-2008
9	Cát, sỏi, cuội lòng sông Phó Đáy	Thuộc huyện Sơn Dương	Cát, sỏi, cuội	2007-2010
XIX	Nước khoáng			
1	Thăm dò nước khoáng Làng Yểng	Xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	Nước khoáng	2008-2020
2	Thăm dò nước khoáng Làng Yểng, Bản Rừng	Xã Trung Minh, huyện Yên Sơn	Nước khoáng	2008-2020

Phụ lục II
TÊN CÁC MỎ VÀ ĐIỂM KHOÁNG SẢN KHAI THÁC THEO QUY MÔ CÔNG NGHIỆP
VÀ QUY MÔ NHỎ CỦA TỈNH TUYÊN QUANG ĐẾN NĂM 2010, CÓ XÉT ĐẾN NĂM 2020

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
NHÓM NGUYÊN LIỆU KHOÁNG					
I	Mức 1: Khai thác quy mô công nghiệp: Các mỏ có trữ lượng > 1 triệu tấn (Không có)				
II	Mức 2: Khai thác quy mô nhỏ: Các mỏ có trữ lượng < 1 triệu tấn (thuộc Quy hoạch địa phương)				
1	Than đá Linh Đức	Xã Linh Phú, huyện Chiêm Hoá	52.740 tấn	2007-2010	Đã thăm dò
2	Than nâu Tuyên Quang	Thị xã Tuyên Quang	400.000 tấn		Đã tìm kiếm, (thuộc khu vực cấm HD khoáng sản)
NHÓM KHOÁNG SẢN KIM LOẠI					
A	Khoáng sản sắt (Fe)				
I	Mức 1: Khai thác quy mô công nghiệp có trữ lượng > 1.000.000 tấn quặng				
Loại 1: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc quy hoạch Trung ương (Theo quyết định 124/2006/QĐ-TTg)					
1	Sắt Phúc Ninh	Xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	> 1.000.000 tấn	2006-2010	Đã thăm dò
Loại 2: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc quy hoạch địa phương					
2	Sắt Hà Vân (Tân Tiến)	Xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	1.000.000 tấn	2006-2007	Đã tìm kiếm. Cần thăm dò trong khai thác

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
3	Sắt magnetit Cây Vầu	Xã Thành Long, huyện Hàm Yên	< 1.000.000 tấn	2007-2010	Đã tìm kiếm; cần thăm dò
4	Sắt magnetit Cây Nhãn	Xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	< 1.000.000 tấn	2007-2010	Đã tìm kiếm; cần thăm dò
5	Sắt limonit Liên Thắng	Xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương	2.000.000 tấn cấp P	2007-2010	Đã tìm kiếm; cần thăm dò
II	Mức 2: Khai thác quy mô nhỏ: Tổng tài nguyên < 1 triệu tấn (2007-2010)				
6	Sắt magnetit Làng Mỏ	Xã Hà Lang, huyện Chiêm Hoá	175.000 tấn	2007-2010	Đã tìm kiếm trong đo vẽ bản đồ 1/50.000
7	Sắt magnetit Làng Mương	Xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên	50.000 tấn	2007-2010	
8	Sắt magnetit Thầu Cáy	Xã Tân Thành, huyện Hàm Yên	734.400 tấn (P ₁)	2007-2010	Đã tìm kiếm 1/10.000
9	Sắt magnetit Làng Lếch	Xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	Chưa xác định	2007-2010	Đã tìm kiếm trong đo vẽ bản đồ 1/50.000
10	Sắt magnetit Liên Bình	Xã Đội Cấn, huyện Yên Sơn	50.000 tấn (C ₁)	2007-2010	Đã thăm dò, không còn tài liệu

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
11	Sắt limonit Bình Ca	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	40.000 tấn	2007-2010	Đã tìm kiếm trong đo vẽ bản đồ 1/50.000
12	Sắt limonit Thượng Ấm	Xã Thượng Ấm, huyện Sơn Dương	69.000 tấn	2007-2010	Đã tìm kiếm trong đo vẽ bản đồ 1/50.000
13	Sắt limonit Đồng Cỏ	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	93.000 tấn	2007-2010	Đã tìm kiếm trong đo vẽ bản đồ 1/50.000
14	Sắt specularit Kỳ Lâm	Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Chưa xác định	2007-2010	Đã tìm kiếm trong đo vẽ bản đồ 1/50.000
15	Sắt Làng Tè	Xã Thái Hoà, huyện Hàm Yên	570.000 tấn (P)	2007-2010	Đã tìm kiếm trong đo vẽ bản đồ 1/50.000
16	Sắt limonit Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Quang, huyện Chiêm Hoá	Chưa xác định	2007-2010	Đã tìm kiếm trong đo vẽ bản đồ 1/50.000
17	Sắt limonit Đạo Viện	Xã Đạo Viện, huyện Sơn Dương	Chưa xác định	2007-2010	Đã tìm kiếm trong đo vẽ bản đồ 1/50.000

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
18	Các điểm biểu hiện quặng sắt khác trên địa bàn tỉnh	Thuộc các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên và Chiêm Hoá	Chưa xác định	Khai thác khi có nhu cầu	Đã tìm kiếm trong đo vẽ bản đồ 1/50.000
B	Khoáng sản chì-kẽm (Pb-Zn)				
I	Mức 1: Khai thác quy mô công nghiệp mỏ có trữ lượng TN > 100.000 tấn Pb+Zn				
	Loại 1: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc quy hoạch Trung ương (Quyết định 176/2006/QĐ-TTg ngày 01/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2006 - 2015, có xét đến 2020)				
1	Vùng quặng chì kẽm Tràng Đà và Núi Dùm (Tràng Đà, Núi Dùm, Sơn Đô, Dốc Chò, Xóm Húc)	Thị xã Tuyên Quang và huyện Yên Sơn	.	2009-2015	Cần thăm dò trước khi khai thác. (Chì-kẽm Tràng Đà thuộc khu vực cấm và chì-kẽm Núi Dùm thuộc khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản)
2	Vùng quặng chì kẽm Thượng Âm (Khuôn Lăn, Xóm Phai, Ý Nhân)	Các xã: Thượng Âm, Đông Thọ, Cấp Tiến, huyện Sơn Dương	300.000 tấn (C ₂ +P ₁)	2009-2015	Cần thăm dò trước khi khai thác
3	Vùng quặng chì-kẽm Thành Cóc - Hùng Lợi (Khuôn Dốc, Đồng Liên, Làng Toòng, Làng Trọt, Khau Dạ, Khuổi Bốc)	Xã Hùng Lợi, xã Trung Minh, huyện Yên Sơn		2008-2015	Cần thăm dò trước khi khai thác

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
4	Vùng quặng chì kẽm Na Hang (Khu Tinh, Pù Bao, Sum Kim, Pù Bó, Lũng Luông)	Huyện Na Hang		2015-2020	Cần thăm dò (đầu thầu khai thác) <i>Thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản: Khu Tinh, Pù Bao, Sum Kim</i>
5	Vùng quặng chì kẽm Ba Xứ (Đỉnh Mười, Lũng Mơ, Làng Cháy, Làng Ngặt)	Thuộc các xã: Kiến Thiết, Tân Tiến, Phú Thịnh, huyện Yên Sơn	300.000 tấn Pb+Zn	2015-2020	Cần thăm dò trước khi khai thác
Loại 2: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch địa phương					
1	Chì kẽm Phúc Ninh	Xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	27.000 tấn Pb+Zn (C ₂)	2007-2010	Cần thăm dò trước khi khai thác
II	Mức 2: Khai thác quy mô nhỏ: Tổng tài nguyên < 100.000 tấn Pb+Zn				
1	Điểm chì kẽm Bản Giáng	Xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn	Chưa xác định	2007-2010	Điều tra trong đồ vẽ bản đồ 1/50.000
2	Chì kẽm Làng Thuộc	Xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	Không có triển vọng		Đã tìm kiếm 1:10.000
3	Chì kẽm Mỏ Nghiều				
4	Chì kẽm Bắc Nhung	Xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hoá	8.000 tấn Pb+Zn (P ₁)	2007-2010	Đã tìm kiếm 1:10.000

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
5	Chì kẽm Ngòi Thia	Xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	22.000 tấn Pb+Zn (P1)	2007-2015	Điều tra trong đo vẽ bản đồ 1/50.000. Thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản
6	Các điểm biểu hiện chì, kẽm khác	Thuộc huyện Sơn Dương		Khi có nhu cầu	Cần được điều tra, đánh giá tiềm năng làm cơ sở cho thiết kế khai thác nhỏ
C	Khoáng sản Thiếc-Vonfram (Sn-W)				
1	Thiếc (Sn)				
	Mức 1: Khai thác quy mô công nghiệp gồm 2 loại				
	Loại 1: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch Trung ương (Theo Quyết định số 05/2008/QĐ-BCT ngày 04/3/2008 của Bộ Công Thương giai đoạn 2007 - 2015, có xét đến 2025)				
1	Khai tuyển thô thiếc sa khoáng Khuôn Phầy, Ngòi Lẹm và Khuôn Thê	Xã Hợp Hòa, xã Kháng Nhật, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương		2007-2025	
2	Khai tuyển thô thiếc gốc Khuôn Phầy	Xã Kháng Nhật, huyện Sơn Dương		2007-2025	
3	Khai tuyển thô thiếc gốc Ngòi Lẹm	Xã Kháng Nhật, huyện Sơn Dương		2007-2025	
4	Khai tuyển thô thiếc gốc Thanh Sơn	Xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương		2007-2025	
	Loại 2: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch địa phương				

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
5	Thiếc sa khoáng Ngòi Chò	Xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương	989,1 tấn SnO ₂	Tiếp tục khai thác	Đã thăm dò và khai thác
6	Thiếc sa khoáng và góc Bắc Lũng	Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	SK: 2073 tấn SnO ₂ ; góc cấp P ₁ 2000 tấn. Sn	Tiếp tục khai thác	Mới tìm kiếm, đã khai thác, cần thăm dò thiếc góc
7	Thiếc sa khoáng Trúc Khê	Xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương	501 tấn SnO ₂	Tiếp tục khai thác	Đã khai thác
8	Thiếc sa khoáng Kỳ Lâm (gồm cả Làng Cả và Ngọn Đồng)	Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	432 tấn SnO ₂	Tiếp tục khai thác	Đã khai thác (<i>Điểm Ngọn Đồng hạn chế hoạt động khoáng sản</i>)
9	Thiếc góc Bắc Núi Sồi (gồm Kỳ Lâm, An Định, Suối Gọn, Đồng Đài và Đá Dựng)	Thị trấn Sơn Dương, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương	2984 tấn. Sn (C ₂ + P ₁)	2007-2015	Điểm Suối Gọn đang khai thác. Cần được thăm dò bổ sung (<i>Điểm Đồng Đài, Đá Dựng cấm hoạt động khoáng sản</i>)
10	Thiếc góc và sa khoáng Phú Lâm	Xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn	5000 tấn. Sn (C ₂ + P)	2007-2015	Cần tìm kiếm đánh giá và thăm dò
II	Vonfram (W)				
	Mức 1: Khai thác quy mô công nghiệp gồm, gồm 2 loại:				

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
Loại 1: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch Trung ương (Theo Quyết định số 05/2008/QĐ-BCT ngày 04/3/2008 của Bộ Công Thương giai đoạn 2007 - 2015, có xét đến 2025)					
1	Dự án cải tạo mỏ Thiện Kế: Khai tuyển quặng Vonfram gốc khu Thiện Kế, Hội Kế và đổi mới công nghệ tuyển	Xã Thiện Kế, xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương		2007- 2025	
Loại 2: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc quy hoạch địa phương					
	Không có				
Mức 2: Khai thác quy mô nhỏ					
	Không có				
D	Khoáng sản vàng-antimon (Au-Sb)				
Mức 1: Khai thác quy mô công nghiệp đối với các mỏ có trữ lượng > 2.000 tấn Sb, gồm 2 loại					
Loại 1: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch Trung ương (Theo Quyết định số 05/2008/QĐ-BCT ngày 04/3/2008 của Bộ Công Thương giai đoạn 2007 - 2015, có xét đến 2025)					
1	Khôi phục khai thác, tuyển quặng Mỏ vàng-antimon Làng Vài	Xã Ngọc Hội, xã Phú Bình, huyện Chiêm Hoá		2007-2025	
Loại 2: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch địa phương					
2	Mỏ vàng - antimon Khuôn Pục	Xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hoá	TL Au: 3.670kg; Sb: 4051tấn	2007-2008	Đã tìm kiếm tỷ mỉ, cấp phép theo QĐ 732/TTg-CN (Khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản)

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
3	Mỏ antimon Hoà Phú	Xã Hoà Phú, huyện Chiêm Hoá	TL Sb: 1844 tấn (C ₁ +C ₂); Au: 36 kg	2007-2010	Mới tìm kiếm, cần thăm dò
4	Điểm antimon Cốc Táy	Xã Yên Lập, huyện Chiêm Hoá	TNDB P ₁ 2302 tấn. Sb	2007-2010	Đã tìm kiếm sơ bộ cần thăm dò
Mức 2: Khai thác quy mô nhỏ gồm các điểm mỏ có trữ lượng < 2.000 tấn Sb, phân bố không tập trung					
5	Điểm antimon Lãng Can	Xã Lãng Can, huyện Na Hang	> 1.900 tấn (P) Sb	2006	Đã tìm kiếm 1/10.000
6	Điểm antimon Nà Mỏ	Xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hoá		2007-2020	Đã tìm kiếm sơ bộ
7	Điểm antimon Làng Ải	Xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hoá		2007-2020	Đã tìm kiếm sơ bộ
8	Điểm vàng Tân Mỹ	Xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hoá		2008-2009	Đã tìm kiếm
9	Vàng sa khoáng vùng Đầm Hồng	Xã Phú Bình, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hoá	TL Au 46kg	2007-2020	Đã tìm kiếm 1:10.000; đã khai thác tự do
10	Vàng Pou Minh	Xã Kiên Đài, huyện Chiêm Hoá			<i>Thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản</i>
11	Vàng sa khoáng Tây Na Hiên	Xã Thổ Bình, huyện Chiêm Hoá		2007-2020	Đã tìm kiếm đo vẽ BĐ 1/50.000

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
12	Vàng sa khoáng Bình An	Xã Bình An, huyện Chiêm Hoá		2007-2020	Đã tìm kiếm đo vẽ BĐ 1/50.000
13	Vàng Đông Na Hiên	Xã Trùng Khánh, huyện Na Hang		2006	Đã khai thác
14	Vàng Làng Yên	Xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên		2008-2020	Đã tìm kiếm đo vẽ BĐ 1/50.000
15	Vàng, asen Làng Dầu	Xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn		2008-2020	Đã tìm kiếm đo vẽ BĐ 1/50.000
16	Vàng, asen Làng Rịa	Xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn		2008-2020	Đã tìm kiếm đo vẽ BĐ 1/50.000
17	Vàng, asen Năm Đát	Xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn		2008-2020	Đã tìm kiếm đo vẽ BĐ 1/50.000
18	Vàng, asen Khau Lầu	Xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn		2008-2020	Đã tìm kiếm đo vẽ BĐ 1/50.000
19	Vàng, asen Chiêu Yên	Xã Chiêu Yên, huyện Yên Sơn		2008-2020	Đã tìm kiếm đo vẽ BĐ 1/50.000
20	Các điểm biểu hiện Vàng, antimon khác	Thuộc địa bàn các huyện: Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hoá và Na Hang		Khai thác khi có nhu cầu	Cần điều tra đánh giá, thăm dò làm rõ tiềm năng trước khi khai thác

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
E	Khoáng sản mangan (Mn)				
Mức 1: Khai thác quy mô công nghiệp có trữ lượng > 10.000 tấn quặng, gồm 2 loại					
Loại 1: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch Trung ương (Quyết định số 33/2007/QĐ-BCT ngày 26/7/2007 của Bộ Công Thương giai đoạn 2007 - 2015, định hướng đến 2025)					
1	Mỏ mangan Nà Pét, Làng Bài	Xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa	Trữ lượng C ₁ +C ₂ 114.000t; P: 500.000 tấn	Đang khai thác	Đã thăm dò, cấp phép và đang khai thác; cần thăm dò bổ sung
2	Vùng mỏ mangan Thượng Giáp	Xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hoá	Trữ lượng thăm dò bổ sung vùng mỏ		
3	Vùng mỏ mangan Phiêng Lang	Xã Minh Quang, huyện Chiêm Hoá			
Loại 2: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch địa phương					
2	Điểm quặng mangan Thượng Giáp	Xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hoá	TL C ₂ : 12.771 tấn	Bắt đầu khai thác từ cuối năm 2007	
3	Điểm quặng mangan Phiêng Lang	Xã Minh Quang, huyện Chiêm Hoá	TLC ₁ + C ₂ : 12.287 tấn	Bắt đầu khai thác từ cuối năm 2007	
Mức 2: Khai thác quy mô nhỏ < 10.000 tấn quặng					

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
4	Điểm quặng mangan Pù Chạng	Xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hoá	TL C ₂ : 2.423 tấn	Khai thác từ cuối năm 2007	Đã tìm kiếm tỷ lệ 1:10.000, cần thăm dò bổ sung khi khai thác
5	Điểm quặng mangan Hua Rom	Xã Minh Quang, huyện Chiêm Hoá	TL C ₂ : 4.132 tấn	Bắt đầu khai thác từ cuối năm 2007	Đã tìm kiếm tỷ lệ 1:10.000, cần thăm dò khi khai thác
6	Điểm quặng mangan Nà Lum (Khúc Phụ)	Xã Minh Quang, huyện Chiêm Hoá	TL C ₂ : 7.300 tấn	Bắt đầu khai thác từ cuối năm 2007	Đã tìm kiếm đo vẽ tỷ lệ 1:10.000, cần thăm dò khi khai thác
F	Khoáng sản Titan (Ti)				
	Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch địa phương				
1	Titan Đồng Gianh	Xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương		Khi có nhu cầu	Đã tìm kiếm đo vẽ tỷ lệ 1:50.000, cần thăm dò khi khai thác
2	Titan Quảng Đàm	Xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương		Khi có nhu cầu	Đã tìm kiếm đo vẽ tỷ lệ 1:50.000, cần thăm dò khi khai thác
G	Thủy ngân (Hg)				
	Khai thác quy mô nhỏ				
1	Thủy ngân Ba Hòn	Xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương		Khi có nhu cầu	Đã tìm kiếm sơ bộ
H	Đồng (Cu)				

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
Khai thác quy mô nhỏ					
1	Đồng Bản Đầm	Xã Yên Lập, huyện Chiêm Hoá		Khi có nhu cầu	Đã tìm kiếm đo vẽ tỷ lệ 1:50.000, cần thăm dò trước khi khai thác
2	Đồng Pù Toòng	Xã Yên Lập, huyện Chiêm Hoá		Khi có nhu cầu	
NHÓM KHOÁNG CHẤT CÔNG NGHIỆP					
A Khoáng sản Barit (BaSO₄)					
Mức 1: Khai thác quy mô công nghiệp với mỏ có trữ lượng > 200.000 tấn BaSO₄					
Loại 1: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch Trung ương (theo Quyết định số 41/2008/QĐ-BCT ngày 17/11/2008 của Bộ Công Thương đến năm 2015, có xét đến năm 2025)					
1	Quặng Barite tại các vùng thăm dò mở rộng mỏ xóm Hoắc, Nước Luân, Năng Khào - Hà Vị, Ngãi Thắng, Đồng Bèn, Ao Sen, Thượng Âm, Khuôn Bén	Huyện Yên Sơn, Sơn Dương và Na Hang	Trữ lượng thăm dò bổ sung vùng mỏ		
Loại 2: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch địa phương					
1	Barit Hà Vị	Xã Năng Khả, huyện Na Hang	239.000 tấn	Bắt đầu khai thác từ 2007	Tìm kiếm đo vẽ 1/10.000; (Hạn chế hoạt động khoáng sản)
2	Barit Năng Khào	Xã Năng Khả, huyện Na Hang	237.000 tấn	Bắt đầu khai thác từ 2007	Tìm kiếm đo vẽ 1/10.000

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
3	Barit Ao Sen Tân Trào	Xã Hợp Hoà, huyện Sơn Dương	665.000 tấn	Bắt đầu khai thác từ 1998	Đã thăm dò
Mức 2: Khai thác quy mô nhỏ < 200.000 tấn BaSO₄ (2006 - 2010)					
4	Barit Trung Thành	Xã Trung Trực, huyện Yên Sơn	8.000 tấn	Bắt đầu khai thác từ 2007	Đã tìm kiếm đo vẽ BĐ 1:10.000
5	Barit Chân Sơn	Xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn	5.000 tấn	2007-2010	Khảo sát
6	Barit Khau Quân	Xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn	8.000 tấn		Đã khai thác hết (Thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản)
7	Barit Làng Đặng	Xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	10.000 tấn		Khảo sát (Thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản)
8	Barit Khâm Kheo	Xã Công Đa, huyện Yên Sơn	5.000 tấn	Đang khai thác	Khảo sát
9	Barit Khuôn Bén (gồm Xóm Bén, Bầy Mẫu, Khe Cạn, Thanh Y)	Xã Công Đa, huyện Yên Sơn	137.000 tấn	Đang khai thác	Đã khai thác 113.000 tấn. (Khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản)
10	Barit Xóm Hoắc (gồm Mỏ Hoắc, Dốc Gầy, Khe Sáu, Đá Hàm, Dốc Gianh)	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	129.000 tấn	Đang khai thác	Tìm kiếm đánh giá, đã khai thác được 156.000 tấn

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
11	Barit Nước Luân	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	38.000 tấn	Đang khai thác	Đã khai thác hết 12.000 tấn
12	Barit Xóm Húc	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Sơn	33.000 tấn	Đang khai thác	Đã khai thác 1.000 tấn.
13	Barit Dốc Chò	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Sơn	43.000 tấn	Đang khai thác	Đã khai thác được 20.000 tấn
14	Barit Làng Chanh	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	57.000 tấn	Đang khai thác	Đã khai thác được 10.000 tấn
15	Barit Tân Lập (hang Việt Thắng)	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	5.000 tấn	Đang khai thác	
16	Barit Thủ Ý (Gồm cả Miếu Nóng)	Xã Tiến Bộ, huyện Sơn Dương	17.000 tấn	Đang khai thác	Đã khai thác được 19.000
17	Barit Đồng Bèn (hay là hang Lương, Thượng Âm, ba Dừng, Làng Cả)	Xã Thượng Âm, huyện Sơn Dương	80.000 tấn	Đang khai thác	Đã khai thác 46.000 tấn
18	Barit Đa Năng (Ngãi Thắng)	Xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương	14.000 tấn	Đang khai thác	Đã khai thác 8.000 tấn
19	Barit Đồng Bùng (Tú Trạc)	Xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương	143.000 tấn	Đang khai thác	Đã khai thác 45.000 tấn

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
20	Barit xóm Mực Bài	Xã Tứ Quận huyện Yên Sơn	20.000 tấn	Khai thác từ năm 1999	Khảo sát
21	Barit Thiện Kế	Xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương	4.000 tấn	2008-2010	Khảo sát
22	Barit Tuân Lộ	Xã Tuân Lộ, huyện Sơn Dương	30.000 tấn	Đang khai thác	Đã khai thác 28.000 tấn
23	Các điểm biểu hiện quặng Barite mới được phát hiện	Thuộc địa bàn các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, thị xã Tuyên Quang		Khi có nhu cầu	Cần khảo sát đánh giá tiềm năng
B	Pyrit				
1	Pyrit Bản Màn	Xã Bình Phú, huyện Chiêm Hoá		Khi có nhu cầu	Tìm kiếm
2	Pyrit Khau Tinh Luông	Xã Khau Tinh, huyện Na Hang		Khi có nhu cầu	Tìm kiếm
3	Pyrit Làng Chanh	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn		Khi có nhu cầu	Tìm kiếm
4	Pyrit Xóm Hoắc			Khi có nhu cầu	Khảo sát
5	Pyrit Công Đa	Xã Công Đa, huyện Yên Sơn		Khi có nhu cầu	Khảo sát
6	Các điểm biểu hiện Pyrit khác cần được điều tra, thăm dò làm cơ sở cho việc cấp phép khai thác	Thuộc các huyện: Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hoá, Sơn Dương và thị xã Tuyên Quang		Khi có nhu cầu	Khảo sát
C	Photphorit				
1	Photphorit Khau He	Xã Yên Phú, huyện Hàm Yên		Khi có nhu cầu	Khảo sát

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
D	Sét - Caolanh - Felspat				
	Mức 1: Khai thác quy mô công nghiệp				
	Loại 1: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch Trung ương (Quyết định 47/2008/QĐ-BCT ngày 17/12/2008 của Bộ Công Thương đến năm 2015, có xét đến năm 2025)				
1	Đầu tư khai thác quặng Caolanh, felspat Bình Man, Thái Sơn	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương và xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên		2008-2015	
2	Đầu tư khai thác quặng Caolanh, felspat vùng Vân Sơn - Lâm Xuyên, trữ quặng ở xã Hào Phú	Xã Vân Sơn, Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương		2016-2025	
	Loại 2: Khai thác quy mô công nghiệp thuộc quy hoạch địa phương				
1	Sét-caolanh Đồng Gianh	Xã Bình Yên, huyện Yên Sơn	C ₁ +C ₂ : 5.206.539 tấn	2007-2010	Đã tìm kiếm 1/10.000
2	Caolanh-felspat Trại Canh, Hào Phú	Xã Tam Đa, xã Hào Phú, huyện Sơn Dương	C ₁ +C ₂ : 1.000.000 tấn	Tiếp tục khai thác	Đã tìm kiếm đo vẽ tỷ lệ 1:50.000
	Mức 2: Khai thác quy mô nhỏ: Tổng tài nguyên < 1 triệu tấn				
5	Caolanh-felspat Đồng Bến	Xã Thành Long, huyện Hàm Yên	Cấp P: 448.000 tấn	2009-2010	Đã tìm kiếm đo vẽ 1:10.000

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
6	Cao lanh Lăng Quán	Xã Lăng Quán, huyện Hàm Yên	Cấp P: 33.572 tấn	2009-2015	Đã tìm kiếm đánh giá
7	Caolanh-felspat Đồn Hang (Vân Sơn)	Xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	Cấp P: 60.000 tấn	2006-2010	Đã tìm kiếm đo vẽ tỷ lệ 1:50.000
8	Sét gôm Trung Hoà	Xã Trung Hoà, huyện Chiêm Hoá	C ₁ +C ₂ : 31.250 tấn	2008-2020	Đã thăm dò 1973
9	Caolanh-felspat Nghiêm Sơn	Xã Chân Sơn, huyện Hàm Yên	C ₁ +C ₂ : 35.040 tấn	2007-2015	Đã thăm dò
10	Sét-kaolin Lương Vượng	Xã Lương Vượng, huyện Yên Sơn		Khai thác khi có nhu cầu	Đã tìm kiếm đo vẽ tỷ lệ 1:50.000. Cần thăm dò trước khi khai thác
11	Sét-caolanh Hoàng Khai	Xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn			
E	Đolomit				
1	Đolomit Bản Lãm	Xã Khau Tinh, huyện Na Hang		Khi có nhu cầu	Đã tìm kiếm đo vẽ tỷ lệ 1:50.000. Cần thăm dò trước khi khai thác
2	Đolomit Làng Dem	Xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên			
3	Đolomit Thác Cái	Xã Minh Hương, huyện Hàm Yên			
F	Graphit				
1	Graphit Khuôn Chan	Xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương		Khi có nhu cầu	Tìm kiếm; cần thăm dò

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
2	Graphit Bình Tích	Xã Hợp Hoà, huyện Sơn Dương			trước khi khai thác
G	Quarzit				
	Khai thác quy mô nhỏ				
1	Quarzit Đại Thị	Xã Yên Lập, huyện Chiêm Hoá		2007-2020	Đã tìm kiếm, đo vẽ bản đồ địa chất 1/50.000
2	Quarzit Bản Mản	Xã Bình Phú, huyện Chiêm Hoá		2007-2020	Đã tìm kiếm, đo vẽ bản đồ địa chất 1/50.000
3	Quarzit Phú Lâm	Xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn		2007-2020	Đã tìm kiếm đo vẽ tỷ lệ 1:50.000
4	Quarzit Làng Nioung	Xã Hùng Mỹ, huyện Chiêm Hoá		2007-2020	Đã tìm kiếm đo vẽ tỷ lệ 1:50.000 (Thuộc khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản)
5	Quarzit Đồng Cát	Xã Thanh Tương, huyện Na Hang			(Thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản)
6	Quarzit Đá Đen	Xã Hùng Mỹ, Xã Xuân Quang, huyện Chiêm Hoá	$P_2 = 1,25$ triệu tấn	2007-2020	Khảo sát
7	Quarzit Hiệp Môn	Xã Hoà Phú, huyện Chiêm Hoá		2007-2020	Chưa đánh giá

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
H	Thạch anh trắng				
	Khai thác quy mô nhỏ				
1	Thạch anh tinh thể Ma Páng	Xã Thanh Tương, huyện Na Hang			<i>Thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản</i>
2	Thạch anh trắng Lương Thiện - Tân Trào	Xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương		2006-2007	
	CÁC KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU XÂY DỰNG				
A	Đá vôi xi măng				
	Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch Trung ương (Quyết định số 105/2008/QĐ-TTg ngày 21/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020)				
1	Đá vôi xi măng Yên Lĩnh (Tràng Đà)	Xã Tràng Đà, thị xã Tuyên Quang		Đang khai thác một phần diện tích 13,36 ha	<i>Thuộc khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản</i>
2	Đá vôi xi măng Phúc Ứng	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương		2007-2015	Cần thăm dò
3	Đá vôi xi măng Bình Ca	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	P = 16,25 triệu tấn	Khu vực dự trữ, khai thác khi có nhu cầu	Đã khảo sát, cần thăm dò
4	Đá vôi xi măng Đa Năng	Xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương	C1 + C2 + P = 500 triệu tấn	Khu vực dự trữ, khai thác khi có nhu cầu	Cần thăm dò

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
5	Đá vôi xi măng Ý Nhân	Xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương	C1 = 6,5 triệu tấn; P2 = 17 triệu tấn	Khu vực dự trữ, khai thác khi có nhu cầu	Đã khảo sát, cần thăm dò
6	Đá vôi xi măng Bắc Bàn	Xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	P: 100 triệu tấn	Khu vực dự trữ, khai thác khi có nhu cầu	Đã khảo sát, cần thăm dò
7	Đá vôi xi măng Cam Bon	Xã Đà Vị, huyện Na Hang	P: 80 triệu tấn	Khu vực dự trữ, khai thác khi có nhu cầu	Đã khảo sát, cần thăm dò
8	Đá vôi xi măng Bắc Làng Mai	Xã Thượng Lâm, huyện Na Hang	P: 22,5 triệu tấn	Khu vực dự trữ, khai thác khi có nhu cầu	Đã khảo sát, cần thăm dò
9	Đá vôi xi măng núi Uông Võ	Xã Tân Long, huyện Yên Sơn	Điểm khoáng sản	Khu vực dự trữ, khai thác khi có nhu cầu	Đã khảo sát, cần thăm dò
10	Đá vôi xi măng Thắng Quân	Xã Tân Long, huyện Yên Sơn	Điểm khoáng sản	Khu vực dự trữ, khai thác khi có nhu cầu	Đã khảo sát, cần thăm dò
11	Đá vôi xi măng Quan Tinh	Xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên	Điểm khoáng sản	Khu vực dự trữ, khai thác khi có nhu cầu	Đã khảo sát, cần thăm dò
12	Đá vôi xi măng Vĩnh Tuy	Xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	Điểm khoáng sản	Khu vực dự trữ, khai thác khi có nhu cầu	Đã khảo sát, cần thăm dò

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
13	Đá vôi xi măng Khau He	Xã Minh Dân, huyện Hàm Yên	Điểm khoáng sản	Khu vực dự trữ, khai thác khi có nhu cầu	Đã khảo sát, cần thăm dò
14	Đá vôi xi măng Đội Bình	Xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	Điểm khoáng sản	Khu vực dự trữ, khai thác khi có nhu cầu	Đã khảo sát, cần thăm dò
15	Đá vôi xi măng Làng Cháy	Xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	Điểm khoáng sản	Khu vực dự trữ, khai thác khi có nhu cầu	Đã khảo sát, cần thăm dò
16	Đá vôi xi măng Thượng Ấm	Xã Thượng Ấm, huyện Sơn Dương	Điểm khoáng sản	Khu vực dự trữ, khai thác khi có nhu cầu	Đã khảo sát, cần thăm dò
B	Đá vôi xây dựng				
Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch địa phương					
1	Đá vôi xây dựng Pou Nam	Xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên	P ₂ : 250 triệu m ³	Khi có nhu cầu	Đã khảo sát
2	Đá vôi xây dựng Yên Cốc	Xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa	P ₂ : 360 triệu m ³		Đã khảo sát
3	Đá vôi xây dựng Minh Khương	Xã Minh Dân, huyện Hàm Yên	P: 30 triệu m ³		Đã khảo sát
4	Đá vôi xây dựng Tràng Dương	Xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên			Đã khảo sát

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
5	Ngoài ra còn nhiều điểm mỏ đá vôi đang được khai thác làm vật liệu xây dựng	Thuộc địa bàn các huyện: Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Na Hang và thị xã Tuyên Quang			
C	Đá ốp lát				
	Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch địa phương				
1	Đá hoa ốp lát Làng Cóc	Xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn		Tùy theo yêu cầu	Đã khảo sát
2	Đá hoa ốp lát Làng Nha	Xã Kim Quan, huyện Yên Sơn		Tùy theo yêu cầu	Đã khảo sát (<i>Thuộc khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản</i>)
3	Đá granit ốp lát Minh Khương	Xã Minh Khương, huyện Hàm Yên		Tùy theo yêu cầu	Đã khảo sát
4	Đá gabro ốp lát Đồng Gianh	Xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương		Tùy theo yêu cầu	Đã khảo sát (<i>Thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản</i>)
5	Đá gabro ốp lát Yên Phú	Xã Yên Phú, huyện Hàm Yên		Tùy theo yêu cầu	Đã khảo sát
D	Đá vôi trắng				
	Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch Trung ương (Quyết định số 47/2008/QĐ-BCT ngày 17/12/2008 của Bộ Công Thương đến năm 2015, có xét đến năm 2025)				
1	Đá vôi trắng km 54 - km 57 (núi Đá Đen)	Xã Yên Phú, huyện Hàm Yên		2008-2015	
	Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch địa phương				

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
1	Đá vôi trắng núi Bạch Mã, Khau He	Xã Yên Phú, huyện Hàm Yên		Đang khai thác	Cần được thăm dò và chuyển sang khai thác công nghiệp
E	Sét xi măng				
	Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch Trung ương (Quyết định số 105/2008/QĐ-TTg ngày 21/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ)				
1	Sét xi măng Tràng Đà	Xã Tràng Đà, thị xã Tuyên Quang	10,2 triệu tấn	Đã cấp phép khai thác năm 2008	Đã thăm dò
2	Sét xi măng Bắc Lũng	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương		Khu vực dự trữ khai thác khi có nhu cầu	Cần thăm dò
3	Sét xi măng Khuôn Thê, Phúc Vượng	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương		Khu vực dự trữ khai thác khi có nhu cầu	Cần thăm dò
F	Sét gạch ngói				
	Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch địa phương				
1	Sét gạch ngói Hòa Phú	Xã Hoà Phú, huyện Chiêm Hóa	P ₂ : 10,3 triệu m ³	2007-2010	Đã tìm kiếm
2	Sét gạch ngói Làng Khang	Xã Minh Dân, huyện Hàm Yên	P: 1,6 triệu m ³	2007-2010	Đã tìm kiếm
3	Sét gạch ngói Cầu Trầm	Xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương		2007-2010	Đã tìm kiếm
4	Sét gạch ngói làm gạch tuynen cầu An Hoà	Xã Đội Cấn, huyện Yên Sơn		2007-2010	Cần thăm dò

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
G	Cát, sỏi, cuội xây dựng				
	Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch địa phương				
1	Cát Vân Sơn	Dọc sông Lô (Xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương)	0,55 triệu m ³	2006	Đã thăm dò
2	Cát Hồng Lạc	Dọc sông Lô (Xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương)	0,72 triệu m ³	2006	Đã thăm dò
3	Cát Sầm Dương	Dọc sông Lô (Xã Sầm Dương, huyện Sơn Dương)	0,98 triệu m ³	2006	Đã thăm dò
4	Cát Lâm Xuyên	Dọc sông Lô (Xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương)	0,83 triệu m ³	2006	Đã thăm dò
5	Cát, sỏi, cuội lòng sông Lô thuộc khu vực An Tường, Thái Bình, An Khang, Thái Long, Đội Cấn, Đội Bình, Vĩnh Lợi, Cấp Tiến, Quyết Thắng, Đông Thọ	Thuộc các xã: An Tường, Thái Bình, An Khang, Thái Long, Đội Cấn, Đội Bình, huyện Yên Sơn; các xã Vĩnh Lợi, Cấp Tiến, Quyết Thắng, Đông Thọ, huyện Sơn Dương		2007	Đã thăm dò khu vực Khu vực Thái Long, Đội Cấn, Đội Bình, Vĩnh Lợi, Cấp Tiến đang khai thác
6	Cát, sỏi, cuội lòng sông Lô khu vực thị xã Tuyên Quang	Thuộc địa bàn các xã: Hưng Thành, Nông Tiến, Tràng Đà, Ý La; phường Tân Quang, phường Minh Xuân, thị xã Tuyên Quang		2007	Đã thăm dò phần diện tích xã Hưng Thành, phường Minh Xuân và đang khai thác
7	Cát, sỏi, cuội lòng sông Lô thuộc khu vực Tân Long, Thắng Quân	Thuộc các xã: Tân Long, Thắng Quân, huyện Yên Sơn		2008	Đang thăm dò

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
8	Cát, sỏi, cuội lòng sông Gâm thuộc khu vực Xuân Vân, Quý Quân, Lục Hành, Kiến Thiết, Chiêu Yên	Thuộc các xã: Xuân Vân, Quý Quân, Lục Hành, Kiến Thiết, Chiêu Yên, huyện Yên Sơn	943.000 m ³	2008	Đã thăm dò
9	Cát, sỏi, cuội lòng sông Lô thuộc địa bàn huyện Hàm Yên	Thuộc các xã: Thái Sơn, Bình Xa, Tân Thành, thị trấn Tân Yên, Phù Lưu, Minh Dân, Yên Phú, Yên Lâm, huyện Hàm Yên	2.264.000 m ³	2007-2008	Đã thăm dò khu vực Phù Lưu, Minh Dân, Yên Phú và đang khai thác
10	Cát, sỏi lòng sông Gâm thuộc huyện Na Hang	Thuộc khu vực thị trấn Na Hang và xã Thanh Tương, huyện Na Hang		Khi được cấp phép	Đang thăm dò
11	Cát, sỏi lòng sông Gâm thuộc huyện Chiêm Hoá	Thuộc các xã: Ngọc Hội, Xuân Quang, Yên Lập, Hùng Mỹ, Vinh Quang, Trung Hòa, huyện Chiêm Hoá	2.368.000 m ³	2008	Đã thăm dò và đang khai thác
12	Cát, sỏi, cuội lòng sông Phó Đáy	Thuộc huyện Sơn Dương		Khi được cấp phép	Cần thăm dò
13	Cát, sỏi lòng suối Nậm Vang	Xã Thượng Nông, huyện Na Hang	45.000 m ³	2008	Đang khai thác
NƯỚC KHOÁNG					
Khai thác quy mô công nghiệp thuộc Quy hoạch địa phương					
1	Nước khoáng Mỹ Lâm	Xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn	1740 m ³ /ngày	Đang khai thác	Đã thăm dò
2	Nước khoáng Bình Ca	Xã Tiến Bộ, huyện Yên Sơn	2030 m ³ /ngày	Chưa KT 2007-2010	Đã thăm dò
3	Nước khoáng Bản Rừng	Xã Trung Minh, huyện Yên Sơn		Sau 2010	Cần thăm dò

Số TT	Tên mỏ, điểm khoáng sản	Vị trí địa lý	Trữ lượng địa chất (tấn)	Thời gian bắt đầu khai thác	Mức độ tài liệu
4	Nước khoáng Làng Yểng	Xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn		Sau 2010	Cần thăm dò
5	Nước khoáng Pắc Ban	Thị trấn Vĩnh Yên, huyện Na Hang		Sau 2010	<i>Thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản)</i>

congbao.tuyenquang.gov.vn

Phụ lục III
BẢNG DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN
ĐẾN NĂM 2010, XÉT ĐẾN NĂM 2020

Số TT	Cơ sở chế biến	Địa điểm xây dựng	Công suất dây chuyền (tấn/năm)
I	CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP		
1	Khu công nghiệp thuộc Cụm các khu công nghiệp, dịch vụ, đô thị Long Bình An	Thuộc các xã Đội Cấn, Thái Long (huyện Yên Sơn) và xã Vĩnh Lợi (huyện Sơn Dương)	
	<i>1.1. Các nhà máy đã xây dựng và đang hoạt động</i>		
	- Nhà máy chế biến bột barite		20.000
	- Nhà máy gạch tuynen		20 triệu viên/năm
	<i>1.2. Các nhà máy đang triển khai thực hiện</i>		
	- Nhà máy sản xuất phôi thép từ quặng		250.000
	- Nhà máy luyện gang		35.000
	- Nhà máy sản xuất hợp kim sắt		30.000
	<i>1.3. Các nhà máy dự kiến xây dựng</i>		
	- Nhà máy luyện kềm kim loại		15.000
	- Nhà máy sản xuất bột ôxít kềm		10.000
	- Nhà máy luyện thiếc kim loại		-
	- Nhà máy sản xuất gạch lát ngoài trời		-
	- Nhà máy chế biến Kaolin - fenspat		-
	- Nhà máy chế biến bột đá trắng		-
<i>1.4. Các nhà máy chế biến khoáng sản khác khi có đủ điều kiện</i>			
2	Cụm công nghiệp Sơn Nam - huyện Sơn Dương	Xã Sơn Nam (huyện Sơn Dương)	
	<i>2.1. Các nhà máy đã xây dựng và đang hoạt động</i>		
	- Nhà máy chế biến bột Kaolin - fenspat		120.000
	- Hai nhà máy chế biến bột Barite		30.000-60.000
	<i>2.2. Các nhà máy dự kiến xây dựng</i>		
	- Nhà máy chế biến bột Kaolin - fenspat		

Số TT	Cơ sở chế biến	Địa điểm xây dựng	Công suất dây chuyền (tấn/năm)
	- Nhà máy tuyển khoáng vonframit		
	- Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng: Gạch ốp lát; gạch không nung, bê tông đúc sẵn		20 triệu viên/năm
	2.3. Các nhà máy chế biến khoáng sản khác khi có đủ điều kiện		
3	Cụm công nghiệp Phúc Thịnh - huyện Chiêm Hoá	Xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hoá	
	3.1. Các nhà máy đã xây dựng và đang hoạt động:		
	- Nhà máy luyện Ferromangan		15.000
	3.2. Các nhà máy dự kiến xây dựng		
	- Nhà máy luyện antimon kim loại		1.000-3.000
	- Nhà máy Dioxytmangan EMD		2.000-5.000
	- Nhà máy gạch tuynen		20 triệu viên/năm
	3.3. Các nhà máy chế biến khoáng sản khác khi có đủ điều kiện		
4	Cụm công nghiệp Na Hang - huyện Na Hang		
	4.1. Các nhà máy dự kiến xây dựng		
	- Nhà máy tuyển khoáng chì kẽm, antimon		3.000-5.000
II	CÁC ĐIỂM CÔNG NGHIỆP ĐỘC LẬP		
1	Các nhà máy đã xây dựng và đang hoạt động		
	1.1. Nhà máy chế biến: - Bột đá trắng (CaO ₃); - Nghiền bột Barit	Xã Yên Phú, huyện Hàm Yên	100.000 24.000
	1.2. Nhà máy chế biến bột barit thị xã Tuyên Quang (sau năm 2010 chuyển về Khu công nghiệp thuộc Cụm các khu công nghiệp, dịch vụ đô thị Long Bình An)	Xã Nông Tiến, thị xã Tuyên Quang	20.000
	1.3. Nhà máy xi măng Tuyên Quang	Xã Tràng Đà, thị xã Tuyên Quang và xã Tân Long, huyện Yên Sơn	270.000
	1.4. Nhà máy chế biến barit Yên Sơn	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	40.000

Số TT	Cơ sở chế biến	Địa điểm xây dựng	Công suất dây chuyền (tấn/năm)
	1.5. Xưởng cán thép của Mỏ sắt và cán thép Tuyên Quang	Xã An Tường, huyện Yên Sơn	15.000
	1.6. Cơ sở tuyển quặng sắt tận thu tại mỏ sắt Phúc Ninh	Xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	15.000
	1.7. Nhà máy gạch tuynel của Công ty cổ phần Viên Châu	Xã An Tường, huyện Yên Sơn	> 20 triệu viên/năm
	1.8. Cơ sở sản xuất nước khoáng Mỹ Lâm - huyện Yên Sơn	Xã Phú Lâm và xã Tiến Bộ, huyện Yên Sơn	
2	Các nhà máy đang triển khai thực hiện:		
	2.1. Nhà máy xi măng Tân Quang	Xã Tràng Đà, Thị xã Tuyên Quang	910.000
	2.2. Nhà máy xi măng Sơn Dương	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	350.000
	2.3. Nhà máy luyện thiếc Sơn Dương	Xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	500 tấn thiếc thời/năm
3	Các nhà máy dự kiến xây dựng:		
	3.1. Nhà máy chế biến kaolin - fenspat Thái Sơn - huyện Hàm Yên	Xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	100.000
	3.2. Cơ sở sản xuất nước khoáng Bình Ca - huyện Yên Sơn	Xã Tiến Bộ, huyện Yên Sơn	
	3.3. Cơ sở tuyển quặng Titan Đồng Gianh và Quảng Đàm	Xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương	